

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT**BỘ QUỐC PHÒNG****BỘ QUỐC PHÒNG****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**Số: **26** /2019/TT-BQPHà Nội, ngày **31** tháng **3** năm 2019**THÔNG TƯ****Quy định chế độ công khai tài sản công
tại các đơn vị thuộc Bộ Quốc phòng***Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;**Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;**Căn cứ Nghị định số 164/2017/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Quốc phòng;**Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Tài chính;**Bộ trưởng Bộ Quốc phòng ban hành Thông tư quy định chế độ công khai tài sản công tại các đơn vị thuộc Bộ Quốc phòng.***Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

1. Thông tư này quy định chế độ công khai tài sản công tại các cơ quan và đơn vị dự toán, đơn vị sự nghiệp công lập (sau đây gọi chung là đơn vị) và tài sản công do Nhà nước giao cho doanh nghiệp thuộc Bộ Quốc phòng (sau đây gọi tắt là doanh nghiệp) quản lý không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

2. Tài sản công quy định tại Thông tư này, gồm:

a) Tài sản đặc biệt, tài sản chuyên dùng và tài sản phục vụ công tác quản lý tại đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân quy định tại Điều 64 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017 (sau đây gọi tắt là Luật Quản lý, sử dụng tài sản công);

b) Tài sản công khác không thuộc quy định tại điểm a khoản 2 Điều này do Nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp quy định tại khoản 2, khoản 3, khoản 4 và khoản 5 Điều

88 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với các đơn vị, doanh nghiệp và cá nhân thuộc hệ thống tổ chức, biên chế của Bộ Quốc phòng, gồm:

1. Đơn vị từ cấp trung đoàn và tương đương trở lên có tổ chức cơ quan tài chính được giao quản lý, sử dụng tài sản công và giao dự toán ngân sách hàng năm để mua sắm tài sản công (nếu có).
2. Đơn vị cấp tiểu đoàn (hoặc đại đội) và tương đương không tổ chức cơ quan tài chính trực thuộc đơn vị quy định tại khoản 1 Điều này, được giao trực tiếp quản lý, sử dụng tài sản công.
3. Doanh nghiệp được Nhà nước giao quản lý tài sản công không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp.
4. Cơ quan chức năng, cá nhân được giao trực tiếp quản lý, sử dụng tài sản công tại đơn vị, doanh nghiệp và tổ chức, cá nhân khác liên quan.

Điều 3. Mục đích công khai tài sản công

1. Thực hiện công khai, minh bạch về quản lý, sử dụng tài sản công tại các đơn vị, doanh nghiệp thuộc Bộ Quốc phòng nhằm quản lý tài sản công đúng theo quy định của pháp luật; sử dụng tài sản công đúng mục đích, tiêu chuẩn, định mức, tiết kiệm, hiệu quả; góp phần phòng ngừa, ngăn chặn tham nhũng, chống lãng phí và thất thoát tài sản công.
2. Phát huy dân chủ, quyền làm chủ của đơn vị, doanh nghiệp; quân nhân, công chức quốc phòng, công nhân và viên chức quốc phòng trong đơn vị, doanh nghiệp đối với tài sản công do Nhà nước giao Bộ Quốc phòng quản lý, sử dụng trên cơ sở đảm bảo tính công khai, minh bạch về tài sản công và đúng quy định của pháp luật.

Điều 4. Nguyên tắc công khai tài sản công

1. Việc công khai tài sản công tại các đơn vị thuộc Bộ Quốc phòng đặt dưới sự lãnh đạo của Quân ủy Trung ương, sự quản lý thống nhất của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng; tại các đơn vị được giao quản lý, sử dụng tài sản công đặt dưới sự lãnh đạo trực tiếp của cấp ủy đảng, sự quản lý của người chỉ huy cùng cấp.
2. Việc công khai tài sản công phải được thực hiện đầy đủ, kịp thời, chính xác theo quy định của pháp luật công khai tài sản công; phù hợp với tính chất của từng loại tài sản công và đối tượng được công khai. Quá trình công khai tài sản công đảm bảo an toàn tuyệt đối và cá nhân tham gia công khai tài sản công có trách nhiệm bảo vệ bí mật thông tin được công khai theo quy định của pháp luật bảo vệ bí mật nhà nước.

3. Nội dung công khai tài sản công theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công phải phù hợp với pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước; pháp luật về bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự; pháp luật về quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ; pháp luật khác liên quan.

Điều 5. Thẩm quyền công khai tài sản công

1. Bộ trưởng Bộ Quốc phòng thực hiện công khai đối với tài sản công thuộc phạm vi quản lý theo quy định của Chính phủ.

2. Chỉ huy đơn vị (người đứng đầu) các cấp; Chủ tịch, Tổng giám đốc (hoặc giám đốc) doanh nghiệp hoặc người được ủy quyền (sau đây gọi chung là chỉ huy đơn vị) thuộc hệ thống tổ chức của Bộ Quốc phòng được giao quản lý, sử dụng tài sản công thực hiện công khai tài sản công thuộc phạm vi quản lý theo quy định của Bộ Quốc phòng.

Chương II CHẾ ĐỘ CÔNG KHAI TÀI SẢN CÔNG

Mục 1 CÔNG KHAI TÀI SẢN ĐẶC BIỆT

Điều 6. Danh mục tài sản đặc biệt và thành phần tham gia công khai tài sản đặc biệt

1. Danh mục tài sản đặc biệt quy định tại khoản 1 Điều 64 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và Điều 5 Quyết định số 01/2018/QĐ-TTg ngày 09 tháng 3 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ ban hành danh mục tài sản đặc biệt; tiêu chuẩn, định mức sử dụng tài sản đặc biệt tại các đơn vị trong Quân đội nhân dân Việt Nam (sau đây gọi là Quyết định số 01/2018/QĐ-TTg).

2. Thành phần tham gia công khai tài sản đặc biệt là các cơ quan, đơn vị, cá nhân được cấp có thẩm quyền giao nhiệm vụ trực tiếp quản lý, sử dụng tài sản đặc biệt. Cá nhân tham dự công khai chịu trách nhiệm trước pháp luật và cấp có thẩm quyền việc bảo vệ bí mật thông tin về tài sản đặc biệt theo quy định của pháp luật bảo vệ bí mật nhà nước.

Điều 7. Hình thức công khai tài sản đặc biệt

1. Đơn vị, doanh nghiệp thực hiện công khai tài sản đặc biệt theo hai hình thức, gồm:

a) Công bố tại cuộc họp chuyên đề về quản lý, sử dụng tài sản đặc biệt;

b) Cung cấp thông tin theo yêu cầu của cơ quan nhà nước hoặc người có thẩm quyền.

2. Chỉ huy đơn vị chủ trì cuộc họp chuyên đề với cơ quan chức năng và cá nhân được giao trực tiếp quản lý, sử dụng tài sản đặc biệt quy định tại khoản 2 Điều 6 Thông tư này, công bố nội dung công khai tài sản đặc biệt quy định tại Điều 8 Thông tư này.

3. Bộ trưởng Bộ Quốc phòng giao nhiệm vụ hoặc ủy quyền cho tổ chức, cá nhân cung cấp thông tin về tài sản đặc biệt theo yêu cầu của cơ quan nhà nước hoặc người có thẩm quyền, bảo đảm bí mật nhà nước theo quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước và quy định của Bộ Quốc phòng.

Điều 8. Nội dung công khai tài sản đặc biệt

1. Văn bản quy phạm pháp luật quy định về tài sản đặc biệt; tiêu chuẩn, định mức sử dụng tài sản đặc biệt; hệ thống sổ, mẫu biểu theo dõi và việc lưu giữ hồ sơ tài sản đặc biệt.

2. Thực trạng tài sản đặc biệt hiện có; tình hình đầu tư xây dựng, mua sắm, tiếp nhận, thuê, đưa vào biên chế, sử dụng, giao, thu hồi, điều chuyển, chuyển đổi công năng, loại khỏi biên chế tài sản đặc biệt; bán, thanh lý, tiêu hủy tài sản đặc biệt sau khi loại khỏi biên chế.

3. Tình hình quản lý, sử dụng tài sản đặc biệt, gồm: Tình hình quản lý, sử dụng đất quốc phòng là tài sản đặc biệt (số lượng vị trí, diện tích đất quốc phòng; số lượng vị trí, diện tích đất quốc phòng đã được cấp và chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; diện tích đất quốc phòng bị cấp chồng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, bị lấn chiếm, cho mượn làm nhà ở gia đình quân nhân và sử dụng khác; biện pháp giải quyết); tình hình quản lý, sử dụng công trình quốc phòng và khu quân sự là tài sản đặc biệt (cấp công trình, năm đưa công trình vào sử dụng, diện tích sàn).

Điều 9. Mẫu biểu công khai tài sản đặc biệt và trách nhiệm báo cáo, trình duyệt mẫu biểu công khai tài sản đặc biệt

1. Mẫu biểu công khai tài sản đặc biệt quy định tại Thông tư này như sau:

a) Công khai tình hình quản lý, sử dụng trang bị kỹ thuật là tài sản đặc biệt theo hệ thống mẫu biểu quy định tại điểm b khoản 1 Điều 7 Thông tư số 318/2017/TT-BQP ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định danh mục tài sản chuyên dùng, tài sản phục vụ công tác quản lý và hệ thống sổ, mẫu biểu theo dõi tài sản đặc biệt, tài sản chuyên dùng và tài sản phục vụ công tác quản lý trong Bộ Quốc phòng (sau đây gọi là Thông tư số 318/2017/TT-BQP);

b) Công khai tình hình quản lý, sử dụng đất quốc phòng, công trình quốc phòng và khu quân sự là tài sản đặc biệt thực hiện theo Mẫu số 01A-CK/TSĐB có xác định độ mật theo quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Cơ quan (hoặc cán bộ, nhân viên) Quân lực các cấp chủ trì, phối hợp với cơ quan chức năng (hoặc cán bộ, nhân viên chuyên môn) và đơn vị, doanh nghiệp (nếu có) thuộc phạm vi quản lý thực hiện tổng hợp theo hệ thống mẫu biểu theo dõi tài sản đặc biệt quy định tại điểm a khoản 1 Điều này, báo cáo chỉ huy đơn vị cùng cấp phê duyệt để công khai tài sản đặc biệt là trang bị kỹ thuật theo danh mục tài sản quy định tại khoản 1 Điều 5 Quyết định số 01/2018/QĐ-TTg.

3. Cơ quan (hoặc cán bộ, nhân viên) Tác chiến các cấp chủ trì, phối hợp với cơ quan chức năng (hoặc cán bộ, nhân viên chuyên môn) và đơn vị, doanh nghiệp (nếu có) thuộc phạm vi quản lý thực hiện tổng hợp theo mẫu biểu quy định tại điểm b khoản 1 Điều này, báo cáo chỉ huy đơn vị cùng cấp phê duyệt để công khai tài sản đặc biệt là đất quốc phòng, công trình quốc phòng và khu quân sự theo danh mục tài sản quy định tại khoản 1 Điều 64 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và khoản 2 Điều 5 Quyết định số 01/2018/QĐ-TTg.

Điều 10. Thời gian, địa điểm công khai tài sản đặc biệt

1. Hằng năm, căn cứ biên chế tài sản, trang bị hiện có và nhiệm vụ quân sự, quốc phòng được giao, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng giao nhiệm vụ cụ thể cho cơ quan chức năng và đơn vị liên quan báo cáo nội dung để thực hiện công khai trong năm hoặc công khai đột xuất tại địa điểm do Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quyết định theo đề nghị của Bộ Tổng Tham mưu Quân đội nhân dân Việt Nam.

2. Định kỳ hằng quý, căn cứ báo cáo, mẫu biểu công khai tình hình quản lý, sử dụng đất quốc phòng, công trình quốc phòng và khu quân sự là tài sản đặc biệt quy định tại khoản 3 Điều 9 Thông tư này, Chỉ huy đơn vị quy định tại khoản 2 Điều 5 Thông tư này tổ chức thực hiện công khai tài sản đặc biệt là đất quốc phòng, công trình quốc phòng và khu quân sự theo quy định tại Điều 7, Điều 8 Thông tư này tại phòng họp Sở chỉ huy - Nhà làm việc hoặc tại phòng họp Trụ sở doanh nghiệp được giao quản lý, sử dụng tài sản đặc biệt.

3. Định kỳ hằng tháng, căn cứ báo cáo, mẫu biểu công khai tình hình quản lý, sử dụng trang bị kỹ thuật là tài sản đặc biệt quy định tại khoản 2 Điều 9 Thông tư này, Chỉ huy đơn vị quy định tại khoản 2 Điều 5 Thông tư này tổ chức thực hiện công khai tài sản đặc biệt là trang bị kỹ thuật theo quy định tại Điều 7, Điều 8 Thông tư này tại phòng họp Sở chỉ huy - Nhà làm việc hoặc tại phòng họp Trụ sở doanh nghiệp được giao quản lý, sử dụng tài sản đặc biệt.

Mục 2 CÔNG KHAI TÀI SẢN CHUYÊN DÙNG

Điều 11. Danh mục tài sản chuyên dùng và thành phần tham gia công khai tài sản chuyên dùng

1. Danh mục tài sản chuyên dùng quy định tại khoản 2 Điều 64 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và Điều 5 Thông tư số 318/2017/TT-BQP.